

Super Foam 224

SUPER FOAM 224



Super Foam 224 là bột phun cứng có mật độ không tăng thấp với khả năng dẫn nhiệt tốt, ổn định kích thước và bám dính với bề mặt nền. Ngoài ra, việc tạo ra và hình thành đồng nhất và liên tục theo sau bởi các đặc tính cơ học tốt và khả năng chống hấp thụ nước, và khả năng thích ứng phù hợp có thể được thi công bất kể mùa nào.

Sử dụng

Cách nhiệt bên trong nhà máy, tòa nhà chung, nhà ở, nhà thi đấu.
Hệ thống sơn cách nhiệt Polyurea.

Quy trình thi công

Quy trình	<ol style="list-style-type: none">Xử lý bề mặt Bề mặt cần được làm sạch và làm khô tốt để tránh cát, bột xi măng, đất và các chất bẩn khác.Tình trạng thời tiết<ol style="list-style-type: none">Nhiệt độ không khí: 0 ~ 40 °CNhiệt độ bề mặt: 0 ~ 40 °CĐộ ẩm tương đối: 80% trở xuốngTốc độ gió: 15 dặm / giờ trở xuống (không có kính chắn gió)Nhiệt độ bề mặt phải cao hơn nhiệt độ điểm sương ít nhất 3 °C để tránh ngưng tụ.Thiết bị phun Thiết bị phun cho bột Polyurea hoặc Urethane
Thi công	<ol style="list-style-type: none">Tránh sơn vào những ngày mưa, độ ẩm cao (80% trở lên) hoặc nhiệt độ thấp (dưới 0 °C.)Các vết nứt trên bề mặt được gia công sau khi làm phẳng bằng công việc sửa chữa như trám chót.Nên thi công lớp sơn lót thích hợp tùy theo loại bề mặt.
Thận trọng	<ol style="list-style-type: none">Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát ở nhiệt độ phòng (5 ~ 35 °C) tránh lửa và ánh nắng trực tiếp. Đậy chặt vật chứa với nắp niêm phong lên trên.Vì sản phẩm dễ cháy, nên bảo quản sản phẩm khô, lạnh ở nhiệt độ phòng (5 ~ 35 °C), tránh ánh nắng trực tiếp. Đậy chặt vật chứa với nắp niêm phong lên trên.Xử lý sơn thải thông qua một công ty xử lý chất thải do Bộ Môi trường chỉ định.Vui lòng sử dụng sản phẩm này trong thời gian lưu trữ.
Cảnh báo	Please refer to the warning in the appendix.
Hệ thống khuyến nghị	<ol style="list-style-type: none">Primer : SUPERDECK 100, SUPERDECK 110 (nếu cần)Intermediate 1 : SUPERFOAM seriesIntermediate 2 : SUPERDECK U,H series (nếu cần)Top coat : SUPERDECK 300 (nếu cần)

Dữ liệu vật lý

Sử dụng cho	Bê tông, sắt	Thành phần	2
Cream time (sec, 20°C)	3.5 ± 1.5	Rise time (sec, 20°C)	14 ± 3
Free rise density (Kg/m³)	24 ± 1	Độ dẫn điện (W/m.K)	≤ 0.023
Cường độ nén (Kg/cm²)	1.2 ≥	Tỷ lệ trộn	1 : 1 (vol)
Đóng gói	<A>: 250Kg : 230Kg	Hạn sử dụng	6 months (0~15°C) 2 months (20~25°C) 1 months (30~35°C)